

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2026/HNGĐ-ST

Ngày 23-04-2026.

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng và ông Trần Mạnh Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lò Văn Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2026/TLST-HN&GD ngày 29 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 03 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị N; sinh năm 1991; số CCCD: 011191004298, ngày cấp: 04/10/2022, nơi cấp: Cục CSQLHCVTTXH; địa chỉ: Bản C, xã C, tỉnh Điện Biên - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hà Thị T-Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Quốc T1, sinh năm 1996; số CCCD: 031096006254, ngày cấp: 25/04/2021, nơi cấp: Cục CSQLHCVTTXH; địa chỉ: Bản C, xã C, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/01/2026 và biên bản lấy lời khai, chị Lường Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 21/4/2025 tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Nay là UBND xã C, tỉnh Điện Biên) hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ

chồng thường xuyên cãi nhau, không ai quan tâm chăm sóc đến nhau. Tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai thấy mệt mỏi với cuộc hôn nhân. Chị N và anh T1 đã sống ly thân từ tháng 11/2025, khi sống ly thân không ai quan tâm đến ai, hiện tại tình cảm không còn. Nay chị Lương Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Quốc T1.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung; nợ chung: Không có.

* Về phía bị đơn anh Trịnh Quốc T1: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án và triệu tập anh T1, nhưng anh T1 không đến. Tòa án đã đến nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh T1 để xác minh thì được trưởng bản ông Quảng Văn B cho biết: Anh Trịnh Quốc T1 có hộ khẩu thường trú tại Bản C, xã C, tỉnh Điện Biên; hiện tại anh T1 đi làm thuê không có mặt tại nhà và địa phương, làm thuê ở đâu chính quyền không biết, chỉ thấy thi thoảng về nhà vài ngày rồi đi luôn nên Tòa án không giao thông báo thụ lý được. Do vậy Tòa án đã tiến hành lập các biên bản xác minh và niêm yết thông báo thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn. Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết các văn bản tố tụng anh T1 vẫn không có mặt nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Ngày 18/3/2026, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về sự vắng mặt không có lý do của bị đơn và tiến hành niêm yết thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Ngày 18/3/2026, chị N đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 4 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên mở phiên tòa xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/3/2026 và đã niêm yết các văn bản theo quy định của pháp luật, anh Trịnh Quốc T1 vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa và niêm yết theo luật định.

Tại phiên tòa, chị Lương Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện. Anh Trịnh Quốc T1 vắng mặt lần 2 không có lý do.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân: Chị N được ly hôn với anh T1; Về con chung: Không có; Tài sản chung, nợ chung: Không có; Đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thấy rằng. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án, đảm bảo việc giải

quyết vụ án kịp thời, đúng pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên không có yêu cầu, kiến nghị gì. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025); Điều 51, khoản 1 Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho ly hôn với bị đơn. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: “*Ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minh sự vắng mặt của bị đơn nơi cư trú, tình trạng hôn nhân, tổng đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Trịnh Quốc T1, nhưng anh T1 vẫn không có mặt tại Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025), anh T1 đã tự từ bỏ các quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình. Ngày 18/3/2026 chị Lường Thị N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải lần 2, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025). Nguyên đơn chị Lường Thị N, được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trịnh Quốc T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025) Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Về kết hôn: Chị Lường Thị N và anh Trịnh Quốc T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 21/4/2025 tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Nay là UBND xã C, tỉnh Điện Biên) hoàn toàn tự nguyện, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T1 là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Chị Lường Thị N khai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng

quan điểm sống, không ai quan tâm chăm sóc đến nhau, đã sống ly thân từ tháng 11/2025, khi sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai thấy mệt mỏi với cuộc hôn nhân.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của chị N về tình trạng hôn nhân là có căn cứ phù hợp với các biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, thực tế anh chị đã sống ly thân và trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm tới ai. Hội đồng xét xử nhận định chị Lương Thị N và anh Trịnh Quốc T1 không còn tình cảm vợ chồng; không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị N

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Án phí: Nguyên đơn, bị đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và nguyên đơn có đơn xin miễn nộp án phí, nên cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2025); điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Phát biểu của kiểm sát viên: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Tại phiên tòa: Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2025).
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lường Thị N.

1. **Về hôn nhân:** Chị Lường Thị N được ly hôn với anh Trịnh Quốc T1.

2. **Về nuôi con chung:** Không có.

3. **Về tài sản chung, nợ chung:** Không có.

4. **Về án phí:** Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

5. **Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 3 - Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Chiềng Sinh, tỉnh Điện Biên;
- Đương sự;
- Người bảo vệ QVLIHP của đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thanh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Thị Dậu

Nguyễn Thị Nhung

Bùi Thanh Tuấn

